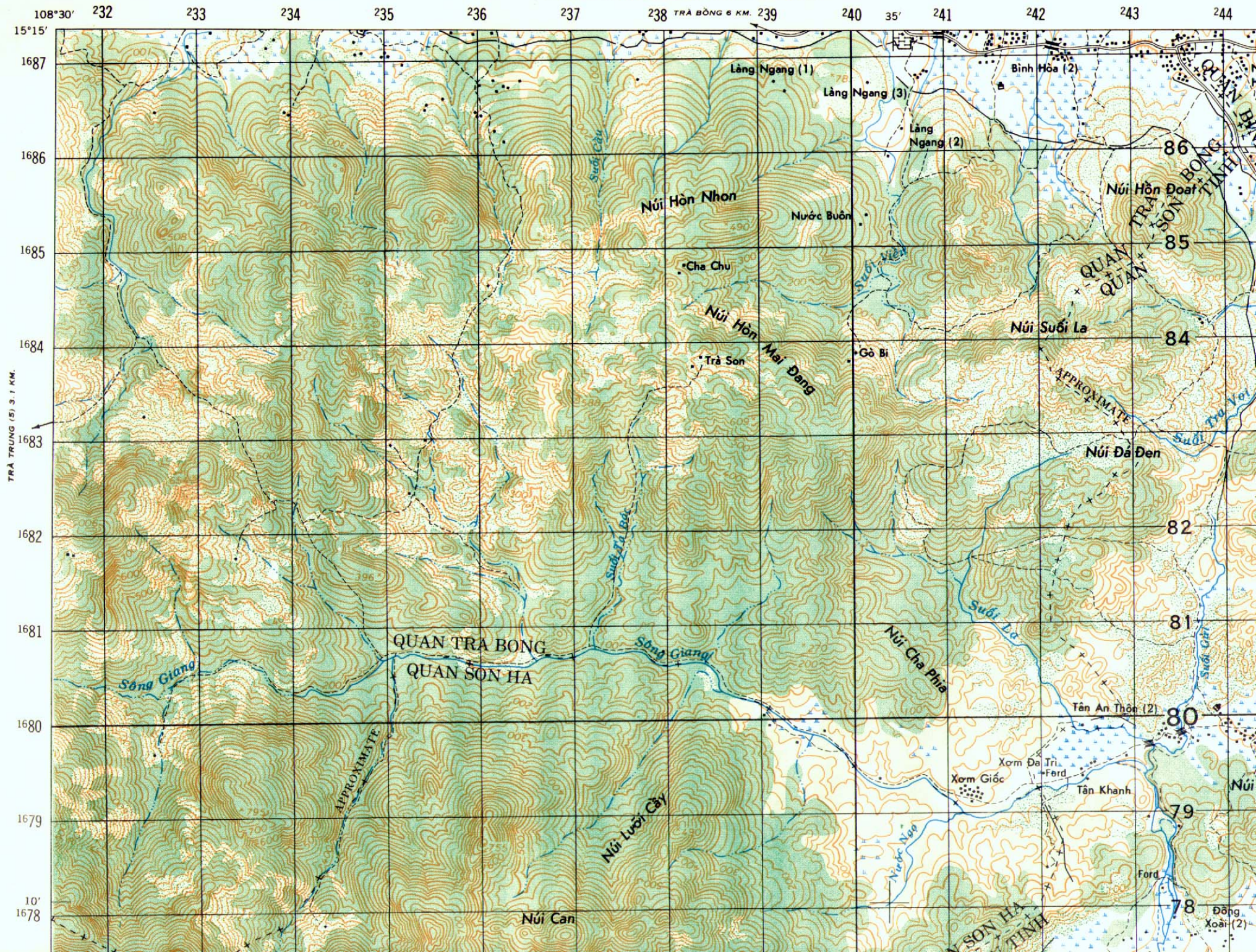


VIETNAM 1:50,000

EDITION 1-AMS
ÉDITION 1-AMS
PHÁT HÀNH LẦN THỨ 1-AMS

SC









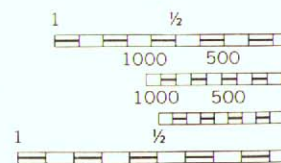


DO PHAN-CUC DIA-DU DALAT AN HANH
 PRINTED BY THE NATIONAL GEOGRAPHIC SERVICE VIETNAM
 Ấn-hành lần thứ Nhất, 9-66
 1st Printing, 9-66

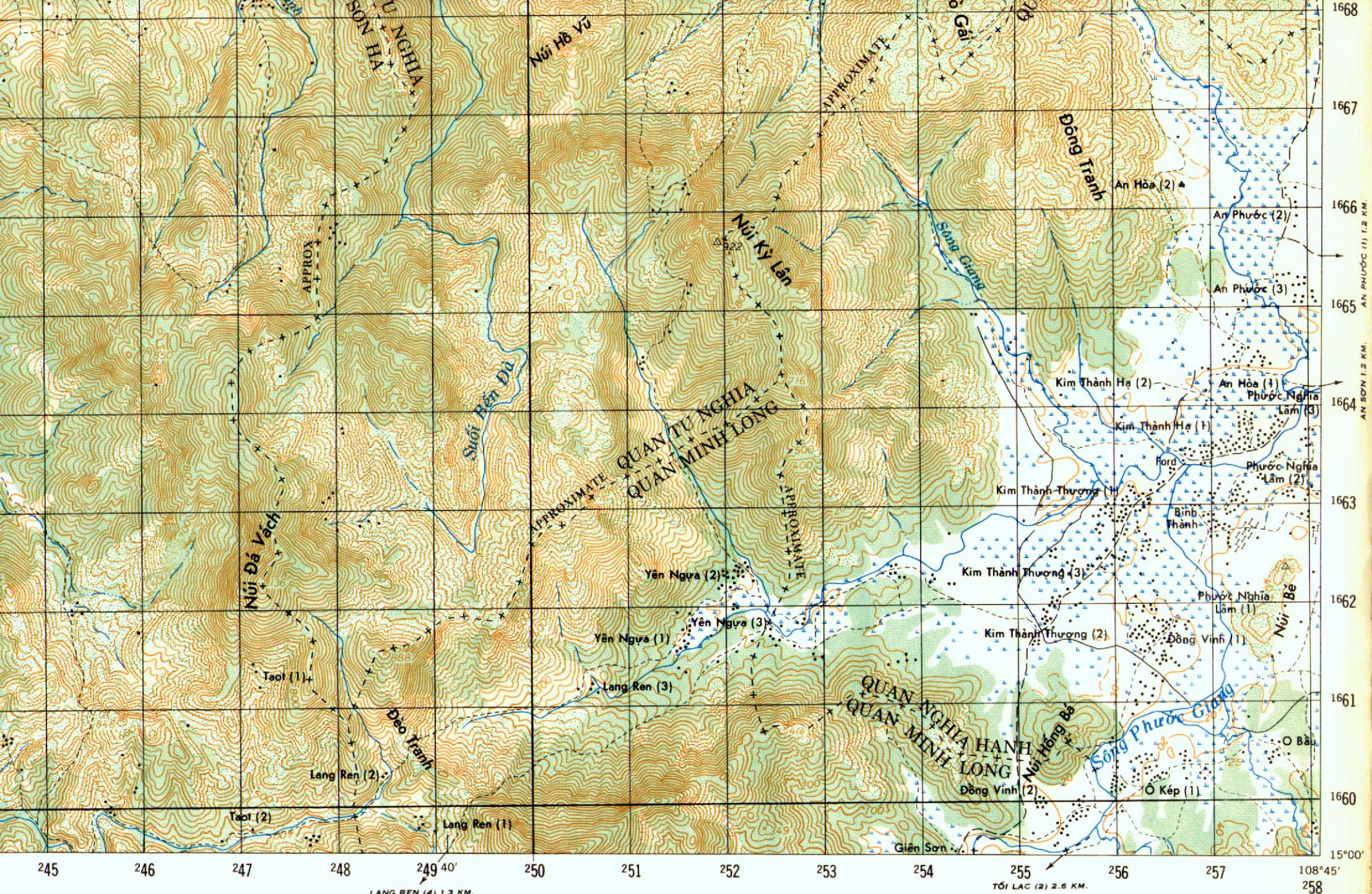
LEGEND—LÉGENDE—CHÚ-TỪ
 MAP INFORMATION AS OF 1965
 RENSEIGNEMENTS CARTOGRAPHIQUES 1965
 BẢN-ĐỒ TIN-TỨC NĂM 1965

On this map a LANE is considered as being a minimum of 2.4 m. (8 feet) in width.
 Sur cette carte une VOIE correspond à une largeur minimum de 2,4 mètres (8 pieds)
 Trên bản đồ này một LỐI XE ĐI đã được coi như rộng ít nhất là 2,4 mét

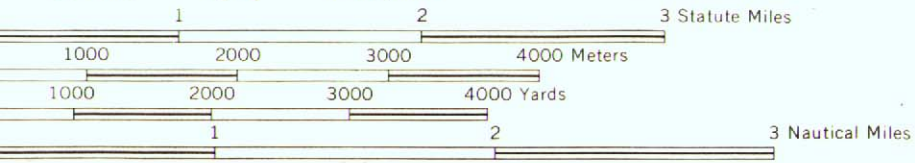
Dense forest or jungle indicates more than 25 percent of ground is concealed by canopy with undergrowth generally impassable on foot. Clear forest indicates more than 25 percent of ground is concealed by canopy with undergrowth generally passable on foot. Vegetation classified by office identification from aerial photography.
 Forêt dense ou jungle indique une végétation dont le dôme couvre le sol à plus de 25% avec un sous-bois impenétrable. Forêt claire indique une végétation dont le dôme couvre le sol à plus de 25% avec un sous-bois accessible à pied. Végétation classée par interprétation des photographies aériennes au bureau.
 Rừng rậm hay rừng già chỉ rừng cây bao phủ mặt đất trên 25% lớp thành vòm cây kín và phía dưới rừng không thể qua lại được. Rừng thưa



CONTOUR INTERVAL—20 METERS



Échelle Tỷ-lệ 1:50,000



LANG REN (4) 1.3 KM.

TỎI LẠC (2) 2.5 KM.

ELEVATION GUIDE
GUIDE D'ÉLEVATION
CHỈ DẪN CAO ĐỘ

BOUNDARIES
FRONTIÈRES
NHỮNG ĐỊA-GIỚI

ADJOINING SHEETS
FEUILLES ADJACENTE
BẢNG RÁP ĐỊA-ĐỒ

